

Số: 295/QĐ-TĐHHT

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, năm học 2020 - 2021  
cho sinh viên các lớp K9, K10, K11, K12, K13, K25, K26, K27**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH**

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Hà Tĩnh;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;*

*Căn cứ Quyết định số 217/QĐ-TĐHHT ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh về việc quy định mức học bổng khuyến khích học tập năm học 2020 - 2021;*

*Xét kết quả học tập, rèn luyện học kỳ I, năm học 2020 - 2021 của sinh viên các lớp K9, K10, K11, K12, K13, K25, K26, K27 và đề nghị của Hội đồng xét cấp học bổng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, năm học 2020 - 2021 cho 126 sinh viên có tên trong danh sách kèm theo với tổng số tiền là 634,165,000 đồng (Bằng chữ: sáu trăm ba mươi tư triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

**Điều 2.** Phòng Kế hoạch - Tài chính trích kinh phí học bổng từ nguồn Quỹ học bổng để chi trả theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Các sinh viên có tên tại Điều 1, Phòng Công tác Chính trị - HSSV, Phòng Kế hoạch - Tài chính, các Khoa và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTCTHSSV.





**DANH SÁCH**

**Sinh viên các lớp K9, K10, K11, K12, K13 K25, K26 và K27 được nhận học bổng khuyến khích học tập học kỳ I, năm học 2020 - 2021**

(Kèm theo Quyết định số: 295 /QĐ-TĐHHT ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh)

| TT | Họ và tên              | Ngày sinh  | Lớp       | Điểm HT | Xếp loại học tập | Điểm RL | Xếp loại RL | Mức học bổng | Số tiền được nhận | Ký nhận |
|----|------------------------|------------|-----------|---------|------------------|---------|-------------|--------------|-------------------|---------|
| 1  | Dương Thị Hoài         | 06/05/2000 | K11 GDMN  | 3.55    | Giỏi             | 90      | Xuất sắc    | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 2  | Nguyễn Dương Trà My    | 12/02/2000 | K11 GDMN  | 3.47    | Giỏi             | 89      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 3  | Lê Thị Duyên A         | 24/09/2000 | K11 GDMN  | 3.45    | Giỏi             | 90      | Xuất sắc    | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 4  | Nguyễn Dương Trà Giang | 12/02/2000 | K11 GDMN  | 3.45    | Giỏi             | 89      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 5  | Nguyễn Thị Nga         | 28/01/2000 | K11 GDMN  | 3.45    | Giỏi             | 89      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 6  | Nguyễn Thị Thanh       | 18/08/1999 | K10A GDMN | 3.87    | Xuất sắc         | 91      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000         |         |
| 7  | Phan Thị Hạnh          | 25/01/1999 | K10A GDMN | 3.85    | Xuất sắc         | 92      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000         |         |
| 8  | Hoàng Thị Huyền        | 19/06/1999 | K10A GDMN | 3.83    | Xuất sắc         | 92      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000         |         |
| 9  | Nguyễn Thị Lành        | 22/12/1995 | K10A GDMN | 3.74    | Xuất sắc         | 89      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 10 | Phan Thị Trà Giang     | 26/10/1999 | K10A GDMN | 3.73    | Xuất sắc         | 97      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000         |         |
| 11 | Thân Thị Thanh Huyền   | 10/10/1999 | K10A GDMN | 3.69    | Xuất sắc         | 90      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000         |         |
| 12 | Trần Thị Nhung         | 28/06/1998 | K10A GDMN | 3.69    | Xuất sắc         | 89      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 13 | Trần Thị Diệu Thúy     | 01/06/1999 | K10B GDMN | 3.73    | Xuất sắc         | 94      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000         |         |
| 14 | Nguyễn Thị Vân         | 29/11/1999 | K10B GDMN | 3.74    | Xuất sắc         | 96      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000         |         |
| 15 | Hà Thị Hiên            | 10/03/1999 | K10 GDTH  | 3.86    | Xuất sắc         | 85      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 16 | Nguyễn Thanh Hoài      | 20/05/1999 | K10 GDTH  | 3.74    | Xuất sắc         | 92      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000         |         |
| 17 | Trần Thị Thương        | 20/07/1998 | K10 GDTH  | 3.72    | Xuất sắc         | 96      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000         |         |
| 18 | Trần Thu Trang         | 09/07/2001 | K12 GDTH  | 3.85    | Xuất sắc         | 84      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 19 | Trần Thị Phương        | 28/07/2001 | K12 GDTH  | 3.79    | Xuất sắc         | 84      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 20 | Trần Thị Khánh Huyền   | 01/11/2001 | K12 GDTH  | 3.75    | Xuất sắc         | 95      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000         |         |
| 21 | Nguyễn Thị Cúc         | 10/08/2002 | K13 GDTH  | 3.67    | Xuất sắc         | 82      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 22 | Nguyễn Ngọc Diệp       | 30/07/2002 | K13 GDTH  | 3.43    | Giỏi             | 79      | Khá         | 980,000      | 4,900,000         |         |
| 23 | Hoàng Thị Oanh         | 02/03/1998 | K13 GDTH  | 3.33    | Giỏi             | 84      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 24 | Lê Nguyễn Thanh Nga    | 08/05/2002 | K13 GDTH  | 3.33    | Giỏi             | 84      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 25 | Nguyễn Bích Ngọc       | 24/11/2002 | K13 GDTH  | 3.20    | Giỏi             | 84      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 26 | Dương Thị Ngọc Tú      | 01/09/2002 | K13 GDTH  | 3.20    | Giỏi             | 80      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 27 | Bùi Thị Phương Nhi     | 03/05/2002 | K13 GDMN  | 2.98    | Khá              | 83      | Tốt         | 980,000      | 4,900,000         |         |



| TT | Họ và tên       |        | Ngày sinh  | Lớp           | Điểm HT | Xếp loại học tập | Điểm RL | Xếp loại RL | Mức học bổng | Số tiền được nhận | Ký nhận |
|----|-----------------|--------|------------|---------------|---------|------------------|---------|-------------|--------------|-------------------|---------|
| 28 | Nguyễn Thị Minh | Thư    | 20/01/2002 | K13 GDMN      | 2.90    | Khá              | 85      | Tốt         | 980,000      | 4,900,000         |         |
| 29 | Phan Thị Hà     | Trà    | 04/04/2002 | K13 GDMN      | 2.90    | Khá              | 83      | Tốt         | 980,000      | 4,900,000         |         |
| 30 | Phan Thị Huyền  | Trang  | 10/04/2002 | K13 GDMN      | 2.83    | Khá              | 92      | Xuất sắc    | 980,000      | 4,900,000         |         |
| 31 | Phạm Thị        | Thủy   | 16/08/1999 | K25 GDMN      | 3.49    | Giỏi             | 94      | Xuất sắc    | 810,000      | 4,050,000         |         |
| 32 | Trần Thị Hải    | Anh    | 01/05/2001 | K26 GDMN      | 3.57    | Giỏi             | 92      | Xuất sắc    | 810,000      | 4,050,000         |         |
| 33 | Đặng Thị Thúy   | Hằng   | 10/01/2001 | K26 GDMN      | 3.39    | Giỏi             | 89      | Tốt         | 810,000      | 4,050,000         |         |
| 34 | Phan Thị Hà     | Trang  | 20/02/1992 | K26 GDTH      | 3.75    | Xuất sắc         | 92      | Xuất sắc    | 858,000      | 4,290,000         |         |
| 35 | Lê Thị Mỹ       | Hà     | 26/07/1998 | K27 GDMN      | 3.25    | Giỏi             | 86      | Tốt         | 810,000      | 4,050,000         |         |
| 36 | Đoàn Thị Trâm   | Oanh   | 10/10/1995 | K11MNLTTC     | 4.00    | Xuất sắc         | 97      | Xuất sắc    | 918,000      | 4,590,000         |         |
| 37 | Nguyễn Thị Thùy | Linh   | 09/06/1997 | K11 MNLT (KA) | 3.57    | Giỏi             | 82      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000         |         |
| 38 | Nguyễn Thị      | Vân    | 20/05/1987 | K11 MNLT (KA) | 3.50    | Giỏi             | 96      | Xuất sắc    | 865,000      | 4,325,000         |         |
| 39 | Trần Mạnh       | Hùng   | 13/03/1983 | K13LTSP Hoá   | 3.65    | Xuất sắc         | 86      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000         |         |
| 40 | Nguyễn Thị      | Hương  | 28/8/2001  | K12 GDMN      | 3.72    | Xuất sắc         | 90      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000         |         |
| 41 | Phan Thị Minh   | Hạnh   | 20/02/2001 | K12 GDMN      | 3.69    | Xuất sắc         | 96      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000         |         |
| 42 | Lê Thị Hoài     | Linh   | 16/07/2000 | K11 GDTH      | 3.72    | Xuất sắc         | 84      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 43 | Nguyễn Thị      | Linh   | 29/03/2000 | K11 NNTQ      | 3.53    | Giỏi             | 89      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 44 | Hồ Thị          | Mỹ     | 20/11/2000 | K11 NNTQ      | 3.53    | Giỏi             | 89      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 45 | Lê Cẩm          | Tú     | 02/02/1999 | K11 NNTQ      | 3.77    | Xuất sắc         | 90      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000         |         |
| 46 | Nguyễn Thị      | Ngân   | 14/05/2001 | K 12A NNTQ    | 3.71    | Xuất sắc         | 87      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 47 | Lương Thị       | Phương | 04/08/2000 | K 12A NNTQ    | 3.58    | Giỏi             | 86      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 48 | Lê Hồng         | Quyên  | 25/02/2001 | K 12A NNTQ    | 3.78    | Xuất sắc         | 87      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 49 | Nguyễn Thị Hạnh | Xoan   | 20/06/2001 | K 12A NNTQ    | 3.52    | Giỏi             | 86      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 50 | Lê Thị          | Thương | 24/06/2001 | K 12B NNTQ    | 3.46    | Giỏi             | 98      | Xuất sắc    | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 51 | Phùng Thị       | Toàn   | 16/11/2001 | K 12B NNTQ    | 3.40    | Giỏi             | 90      | Xuất sắc    | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 52 | Lê Thị Thu      | Hoài   | 26/10/2002 | K 13A NNTQ    | 3.33    | Giỏi             | 83      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 53 | Nguyễn Thị      | Thủy   | 15/06/2002 | K 13A NNTQ    | 3.38    | Giỏi             | 82      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 54 | Cao Văn         | Hoàng  | 14/01/1998 | K 13B NNTQ    | 3.43    | Giỏi             | 88      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 55 | Nguyễn Công     | Son    | 10/05/2002 | K 13B NNTQ    | 3.43    | Giỏi             | 87      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 56 | Lê Thị Tình     | Thương | 26/10/2002 | K 13B NNTQ    | 3.38    | Giỏi             | 89      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 57 | Hoàng Thị       | Trâm   | 20/01/2002 | K 13B NNTQ    | 3.43    | Giỏi             | 89      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 58 | Nguyễn Thị      | Ngọc   | 29/06/1999 | K 10NNTQ      | 3.33    | Giỏi             | 92      | Xuất sắc    | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 59 | Hà Thị          | Trang  | 08/04/1999 | K 10NNTQ      | 3.40    | Giỏi             | 85      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 60 | Lorchuejor      | Khamdy | 05/01/1997 | K10 Luật      | 4.00    | Xuất sắc         | 85      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 61 | Võ Ngọc         | Linh   | 02/10/1999 | K10 Luật      | 4.00    | Xuất sắc         | 90      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000         |         |
| 62 | Hoàng Thị       | Quỳnh  | 15/06/1998 | K10 Luật      | 4.00    | Xuất sắc         | 87      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 63 | Nguyễn Thị Anh  | Quỳnh  | 18/02/1998 | K10 Luật      | 4.00    | Xuất sắc         | 97      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000         |         |



| TT | Họ và tên       |            | Ngày sinh  | Lớp              | Điểm HT | Xếp loại học tập | Điểm RL | Xếp loại RL | Mức học bổng | Số tiền được nhận | Ký nhận |
|----|-----------------|------------|------------|------------------|---------|------------------|---------|-------------|--------------|-------------------|---------|
| 64 | Phommachan      | Koungking  | 23/03/1998 | K10 CTH          | 3.88    | Xuất sắc         | 90      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000         |         |
| 65 | Phanthavong     | Viengsoth  | 13/08/1998 | K10 CTH          | 4.00    | Xuất sắc         | 87      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 66 | Đồng Đan        | Linh       | 09/07/1999 | K11 Luật         | 3.80    | Xuất sắc         | 93      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000         |         |
| 67 | Nguyễn Cao      | Thê        | 24/03/1996 | K11 Luật         | 3.72    | Xuất sắc         | 85      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 68 | Inmala          | Arnilud    | 21/01/2000 | K11 CTH          | 3.56    | Giỏi             | 93      | Xuất sắc    | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 69 | Lê Trọng        | Dũng       | 25/10/1983 | K12B Luật        | 3.17    | Khá              | 80      | Tốt         | 980,000      | 4,900,000         |         |
| 70 | Nguyễn Trọng    | Vỹ         | 28/11/1978 | K11B Luật        | 3.36    | Giỏi             | 92      | Xuất sắc    | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 71 | Ngô Thị         | Quyên      | 30/9/1988  | K11B Luật        | 3.30    | Giỏi             | 82      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 72 | Om              | Xaikhounph | 05/03/1998 | K12 Luật         | 3.41    | Giỏi             | 86      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000         |         |
| 73 | Sommixay        | Bombay     | 06/01/1998 | K 9KSXD          | 4.00    | Xuất sắc         | 91      | Xuất sắc    | 1,287,000    | 6,435,000         |         |
| 74 | Chueva          | Moualor    | 07/04/1995 | K 9KSXD          | 4.00    | Xuất sắc         | 91      | Xuất sắc    | 1,287,000    | 6,435,000         |         |
| 75 | Lê Doãn         | Trường     | 19/12/1999 | K 10CNTT         | 4.00    | Xuất sắc         | 90      | Xuất sắc    | 1,287,000    | 6,435,000         |         |
| 76 | Nguyễn Văn      | Tuân       | 24/04/1993 | K 10CNTT         | 4.00    | Xuất sắc         | 93      | Xuất sắc    | 1,287,000    | 6,435,000         |         |
| 77 | Nguyễn Văn      | Mão        | 27/06/1999 | K 11CNTT         | 3.80    | Xuất sắc         | 91      | Xuất sắc    | 1,287,000    | 6,435,000         |         |
| 78 | Thammavong      | Phouvanh   | 08/03/1999 | K 11CNTT         | 3.72    | Xuất sắc         | 92      | Xuất sắc    | 1,287,000    | 6,435,000         |         |
| 79 | Sithany         | Tong       | 20/06/2000 | K 11CNTT         | 3.72    | Xuất sắc         | 90      | Xuất sắc    | 1,287,000    | 6,435,000         |         |
| 80 | Lê Thị Hồng     | Thương     | 12/04/2001 | K 12 CNTT        | 3.72    | Xuất sắc         | 90      | Xuất sắc    | 1,287,000    | 6,435,000         |         |
| 81 | Van             | Xaysana    | 20/11/1999 | K 12 CNTT        | 3.70    | Xuất sắc         | 90      | Xuất sắc    | 1,287,000    | 6,435,000         |         |
| 82 | Nguyễn Văn      | Tuân       | 03/04/2002 | K 13 CNTT        | 2.67    | Khá              | 80      | Tốt         | 1,170,000    | 5,850,000         |         |
| 83 | Chomkanya       | Chansy     | 26/12/1998 | K10 KHMT         | 3.83    | Xuất sắc         | 98      | Xuất sắc    | 1,287,000    | 6,435,000         |         |
| 84 | Phetsavan       | Chansouk   | 10/03/1998 | K11 KHMT         | 3.27    | Giỏi             | 84      | Tốt         | 1,200,000    | 6,000,000         |         |
| 85 | Thái Như        | Quỳnh      | 20/10/2000 | K12 TY           | 3.13    | Khá              | 88      | Tốt         | 1,170,000    | 5,850,000         |         |
| 86 | Nguyễn Thị      | Tân        | 16/03/1991 | K12 GDMN (Từ TC) | 3.66    | Xuất sắc         | 87      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000         |         |
| 87 | Nguyễn Hương    | Ly         | 20/12/1996 | K12 GDMN (Từ TC) | 3.46    | Giỏi             | 83      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000         |         |
| 88 | Hoàng Thị       | Nga        | 01/06/1995 | K12 GDMN (Từ TC) | 3.46    | Giỏi             | 96      | Xuất sắc    | 865,000      | 4,325,000         |         |
| 89 | Nguyễn Thị      | Quyên      | 19/02/1991 | K12 GDMN (Từ TC) | 3.46    | Giỏi             | 88      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000         |         |
| 90 | Nguyễn Thị      | Nguyệt     | 27/06/1987 | K12 GDMN (Từ CĐ) | 3.46    | Giỏi             | 94      | Xuất sắc    | 865,000      | 4,325,000         |         |
| 91 | Trần Thị        | Sáng       | 08/12/1988 | K12 GDMN (Từ CĐ) | 3.46    | Giỏi             | 91      | Xuất sắc    | 865,000      | 4,325,000         |         |
| 92 | Huỳnh Thị Minh  | Hòa        | 11/05/1979 | K12 GDMN (Từ CĐ) | 3.40    | Giỏi             | 87      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000         |         |
| 93 | Ngô Thị         | Huyền      | 27/07/1994 | K12 GDMN (Từ CĐ) | 3.46    | Giỏi             | 87      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000         |         |
| 94 | Trần Quốc       | Huy        | 02/10/1975 | K12 GDTH LT      | 3.90    | Xuất sắc         | 95      | Xuất sắc    | 918,000      | 4,590,000         |         |
| 95 | Lê Thị Hồng     | Thắm       | 20/11/1976 | K12 GDTH LT      | 3.80    | Xuất sắc         | 90      | Xuất sắc    | 918,000      | 4,590,000         |         |
| 96 | Trần Thị Việt   | Hà         | 17/07/1978 | K12 GDTH LT      | 3.80    | Xuất sắc         | 89      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000         |         |
| 97 | Phan Thị Hồng   | Thương     | 10/01/1973 | K12 GDTH LT      | 3.71    | Xuất sắc         | 89      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000         |         |
| 98 | Nguyễn Thị Hồng | Lam        | 28/02/1971 | K12 GDTH LT      | 3.70    | Xuất sắc         | 89      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000         |         |
| 99 | Hoàng Thị Quỳnh | Diệp       | 16/06/1979 | K12 GDTH LT      | 3.66    | Xuất sắc         | 89      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000         |         |



| TT          | Họ và tên         |              | Ngày sinh  | Lớp              | Điểm HT | Xếp loại học tập | Điểm RL | Xếp loại RL | Mức học bổng | Số tiền được nhận  | Ký nhận |
|-------------|-------------------|--------------|------------|------------------|---------|------------------|---------|-------------|--------------|--------------------|---------|
| 100         | Đinh Thị Thanh    | Hòa          | 06/06/1976 | K12 GDTH LT      | 3.66    | Xuất sắc         | 89      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000          |         |
| 101         | Nguyễn Thị Hoài   | Thanh        | 02/05/1983 | K13 GDMN (Từ CĐ) | 3.90    | Xuất sắc         | 97      | Xuất sắc    | 918,000      | 4,590,000          |         |
| 102         | Nguyễn Thị        | Hằng         | 08/05/1991 | K13 GDMN (Từ CĐ) | 3.56    | Giỏi             | 88      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000          |         |
| 103         | Hoàng Thị         | Loan         | 07/07/1988 | K13 GDMN (Từ CĐ) | 3.41    | Giỏi             | 86      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000          |         |
| 104         | Nguyễn Thị        | Loan         | 31/10/1990 | K13 GDMN (Từ CĐ) | 3.41    | Giỏi             | 87      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000          |         |
| 105         | Trần Thị          | Lý           | 10/04/1994 | K13 GDMN (Từ CĐ) | 3.41    | Giỏi             | 87      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000          |         |
| 106         | Nguyễn Thị        | Thanh        | 25/05/1989 | K13 GDMN (Từ TC) | 3.80    | Xuất sắc         | 95      | Xuất sắc    | 918,000      | 4,590,000          |         |
| 107         | Nguyễn Thị Thu    | Dung         | 12/03/1994 | K13 GDMN (Từ TC) | 3.66    | Xuất sắc         | 88      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000          |         |
| 108         | Phạm Thị Ánh      | Tuyết        | 26/11/1978 | K13 GDTH LT      | 3.74    | Xuất sắc         | 90      | Xuất sắc    | 918,000      | 4,590,000          |         |
| 109         | Đinh Thị          | Ái           | 28/12/1978 | K13 GDTH LT      | 3.70    | Xuất sắc         | 86      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000          |         |
| 110         | Trần Thị Thanh    | Thủy         | 17/11/1977 | K13 GDTH LT      | 3.63    | Xuất sắc         | 86      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000          |         |
| 111         | Trần Thị          | Việt         | 11/04/1979 | K13 GDTH LT      | 3.70    | Xuất sắc         | 89      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000          |         |
| 112         | Trần Thị          | Vân          | 20/10/1975 | K13 GDTH LT      | 3.58    | Giỏi             | 86      | Tốt         | 865,000      | 4,325,000          |         |
| 113         | Đào Thị           | Hiên         | 10/12/1999 | K11-Kê toán      | 3.75    | Xuất sắc         | 87      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000          |         |
| 114         | Phạm Thị Khánh    | Huyền        | 01/03/2000 | K11-Kê toán      | 3.58    | Giỏi             | 86      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000          |         |
| 115         | Lê Phương         | Nga          | 17/06/2001 | K12 Kê toán      | 3.67    | Xuất sắc         | 84      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000          |         |
| 116         | Lương Thị         | Thu          | 23/01/2001 | K12 Kê toán      | 3.62    | Xuất sắc         | 91      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000          |         |
| 117         | Nguyễn Thị Phương | Thảo         | 19/08/1998 | K 10 Kê toán     | 4.00    | Xuất sắc         | 86      | Tốt         | 1,010,000    | 5,050,000          |         |
| 118         | Nguyễn Thị        | ánh          | 10/08/1998 | K 10 Kê toán     | 3.86    | Xuất sắc         | 94      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000          |         |
| 119         | Sanamixay         | Wanida       | 30/08/1998 | K10 TCNH         | 3,72    | Xuất sắc         | 95      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000          |         |
| 120         | Vang              | Panoy        | 03/09/1999 | K10 TCNH         | 3,72    | Xuất sắc         | 91      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000          |         |
| 121         | Nguyễn Thị Mỹ     | Nhân         | 02/01/2001 | 12 Du lịch       | 3.82    | Xuất sắc         | 96      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000          |         |
| 122         | Nguyễn Thị Huyền  | Trang        | 15/02/2000 | K11 Du Lịch      | 3.67    | Xuất sắc         | 93      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000          |         |
| 123         | Nguyễn Thị Hồng   | Ngọc         | 17/10/1999 | K10 Du lịch      | 4.00    | Xuất sắc         | 98      | Xuất sắc    | 1,078,000    | 5,390,000          |         |
| 124         | Nalitar           | Souvannalath | 04/11/1999 | 12 TCNH          | 3.06    | Khá              | 80      | Tốt         | 980,000      | 4,900,000          |         |
| 125         | Nguyễn Thị Hà     | Linh         | 05/04/2002 | 13 Kê toán       | 3.33    | Giỏi             | 93      | Xuất sắc    | 1,010,000    | 5,050,000          |         |
| 126         | Nguyễn Thị        | Thanh        | 13/06/2000 | K11 QTKD         | 3.40    | Giỏi             | 95      | Xuất sắc    | 1,010,000    | 5,050,000          |         |
| <b>Tổng</b> |                   |              |            |                  |         |                  |         |             |              | <b>634,165,000</b> |         |

Danh sách gồm có 126 sinh viên